

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03-02-2021

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Lê Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Điềm và bà Huỳnh Thị Minh Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/01/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Nguyên P, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: 43A/4 L, phường B, thành phố T, Phú Yên.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Phụng T, sinh năm: 1982;

HKTT: 79/25 N, phường S, thành phố T, Phú Yên.

Nơi tạm trú: 23 L, phường M, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn vắng mặt (đều có đề nghị xét xử vắng mặt); bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Nguyên P trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông (P) và bà T tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường S, T vào năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên. Ngoài ra, bà T không trung thực trong cuộc sống hôn nhân, nhiều lần cãi nhau bà T bỏ nhà đi nên tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Tháng 3/2019, vợ chồng có gửi đơn đến Tòa nhưng đã rút đơn. Sau khi rút đơn, vợ chồng không còn sống chung nữa mà tiếp tục sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng không được gia đình hai bên cũng như chính quyền địa phương hòa giải. Nay thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Trước đây trình bày không có con chung, do không biết. Nay xác định có 01 con chung tên là Phạm Nhật Thảo N, sinh ngày 05/9/2019. Con lâu nay ở với mẹ nên thống nhất giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Vì điều kiện công việc nên ông đề nghị Tòa xét xử vắng mặt.

** Tại bản trình bày ý kiến ngày 02/10/2020 và 29/10/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất theo trình bày của nguyên đơn về thời gian, nơi đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông P có quen người phụ nữ khác, làm chung công ty nên đã dọn đồ đi ra khỏi nhà từ tháng 01/2019 đến nay. Từ đó, vợ chồng không còn chung sống với nhau và không liên lạc với nhau. Nhận thấy, giữa vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa nên ông P xin ly hôn thì bà đồng ý.

- Về con chung: có 01 con chung như ông P trình bày. Ly hôn, bà yêu cầu giao con cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và đề nghị ông P không được quyền đi lại, thăm nom con sau khi chấm dứt hôn nhân.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

Bị đơn giữ nguyên ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn; Về con chung: xin được nuôi con và không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng; Về quyền qua lại thăm nom con chung: đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nguyên đơn được ly hôn bị đơn, giao 01 con

chung là Phạm Nhật T Nguyên, sinh ngày 05/9/2019 cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Nguyễn Thị Phụng T có hộ khẩu thường trú tại thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Nhưng hiện bà đang tạm trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; trước đây bà yêu cầu chuyển hồ sơ vụ án vào Tòa án quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết. Tuy nhiên, ngày 20/01/2021, bà có văn bản thống nhất chọn Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa là nơi giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Phạm Nguyên P và bị đơn bà Nguyễn Thị Phụng T tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường s, thành phố T, tỉnh Phú Yên vào năm 2015, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như các đương sự đã trình bày. Vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ tháng 01/2019 cho đến nay. Nay thấy quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm không còn nên nguyên đơn làm đơn xin được ly hôn với bị đơn. Xét thấy: Mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; bị đơn cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Phạm Nhật Thảo N, sinh ngày 05/9/2019. Hiện con đang sống cùng với bà Nguyễn Thị Phụng T. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông P cấp dưỡng vì có đủ khả năng nuôi con. Ông P cũng thống nhất giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của bà T là có căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận, giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Do bà T không yêu cầu nên ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về việc thăm nom con sau ly hôn: Trước đây bà T đề nghị ông P không được quyền đi lại, thăm nom con sau khi chấm dứt hôn nhân nhưng tại phiên tòa hôm nay bà T đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật. Xét thấy, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình thì: “Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”. Do đó, ông P được quyền qua lại thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[7] Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Nguyên P.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Nguyên P được ly hôn bà Nguyễn Thị Phụng T.

- Về con chung: Giao 01 con chung tên là Phạm Nhật Thảo N, sinh ngày 05/9/2019 cho bà Nguyễn Thị Phụng T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Phụng T không yêu cầu nên ông Phạm Nguyên P không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Phạm Nguyên P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Nguyên đơn ông Phạm Nguyên P phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0001388 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
 - Viện KSND thành phố Tuy Hòa;
 - Chi cục THADS thành phố Tuy Hòa;
 - Các đương sự;
 - UBND phường s, T;
- (Giấy CNKH số 60 ngày 02/11/2015)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Lê Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Điễm Huỳnh Thị Minh Tuyết Trần Lê Mai

